TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 19/2024/QĐST- HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 02 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc Đ1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Ngọc Đ1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Lê Đ2, sinh ngày 09/8/2011 và Bùi Hải Đ3, sinh ngày 02/4/2015; Anh Bùi Ngọc Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Đ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 01 con chung/ 01 tháng, cấp dưỡng nuôi 02 con chung tổng số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/02 con chung/01 tháng, kể từ tháng 12/2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Anh Bùi Ngọc Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Ngọc Đ1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Đ tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005050 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền